

# ĐÓNG GÓP CỦA NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHẾ TÁC TRONG QUÁ TRÌNH CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ Ở VIỆT NAM

Ths. Đặng Quý Dương, PGS.TS. Nguyễn Việt Hùng

Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: duongpkk@yahoo.com, hungnv@neu.edu.vn

*Hơn hai mươi năm qua, tăng trưởng kinh tế của Việt Nam đã có những bước tiến lớn. Cuối những năm 1980, Việt Nam được xếp vào nhóm nước nghèo và kém phát triển thì chưa đầy hai mươi năm sau, vào giữa thập niên 2000, Việt Nam đã chính thức thoát khỏi nước nghèo. Sự thành công trong tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong thời gian qua có sự đóng góp không nhỏ của ngành công nghiệp chế tác. Để thấy được những vai trò của ngành công chế tác trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Việt Nam, nghiên cứu này đã sử dụng số liệu thu thập được từ cuối thập niên 1980 đến hết thập niên 2000 để đánh giá những đóng góp, cũng như những tồn tại, thách thức của ngành công nghiệp chế tác trong thời gian qua. Qua đó, rút ra được những đặc trưng của ngành cần chú ý trong quá trình tái cấu trúc nền kinh tế trong thời gian tới. Đồng thời, phân nào giúp các nhà hoạch định chính sách có được một bức tranh toàn cảnh về ngành chế tác từ đó những điều chỉnh chiến lược tốt hơn trong thời gian tới nhằm thúc đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa ở Việt Nam.*

**Từ khóa:** Công nghiệp chế tác, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tổng sản phẩm quốc nội (GDP), giá trị gia tăng (VA), giá trị sản xuất (GO), giá trị sản xuất công nghiệp (GTSXCN).

## 1. Giới thiệu

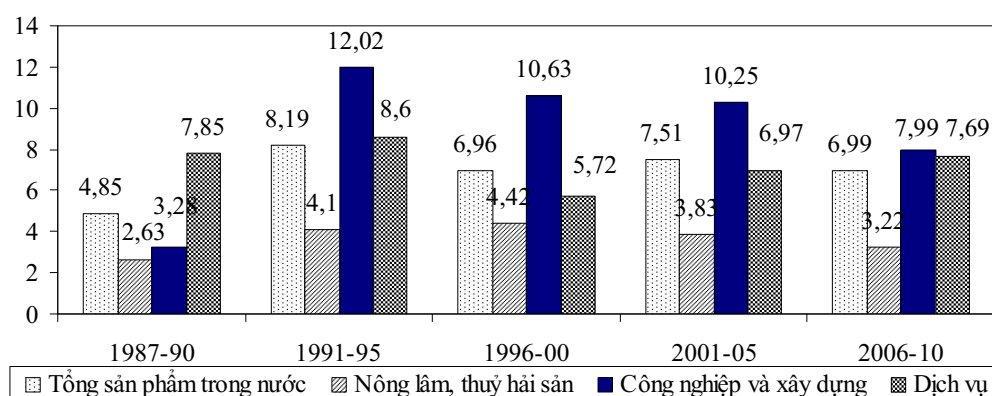
Từ khi Việt Nam thực hiện công cuộc đổi mới đến nay, tốc độ tăng trưởng GDP liên tục được cải thiện. Nếu trong giai đoạn đầu đổi mới (1987-1990), GDP chỉ đạt mức tăng trưởng bình quân 4,85%/năm, thì trong 5 năm tiếp theo (1991-1995), tăng trưởng GDP bình quân là 8,19%/năm, cao hơn so với kế hoạch đề ra là 5,5% - 6,5%, và thuộc vào loại cao trong khu vực. Trong giai đoạn 1996- 2000, tốc độ tăng GDP bình quân của Việt Nam là 6,96%/năm. Tốc độ tăng trưởng GDP thời kỳ này thấp hơn so với nửa đầu thập niên 90 của thế kỷ XX do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ châu Á (1997 - 1999). Sau năm 2000, nền kinh tế Việt Nam đã lấy lại được đà tăng trưởng với tốc độ tăng trưởng năm sau luôn cao hơn năm trước và tính trung bình trong 5 năm 2001-2005, bình quân mỗi năm tổng sản phẩm trong nước tăng 7,51%, đưa quy mô nền kinh tế năm 2005 gấp 1,44 lần năm 2000. Tốc độ tăng GDP bình quân trong thời kỳ này không những cao hơn hẳn tốc độ tăng bình quân của giai đoạn 1996-2000 mà theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới và ESCAP, tăng trưởng của Việt Nam giai

đoạn 2001-2005 còn đứng vào hàng các nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao của khu vực và thế giới (tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 2000-04 của Trung Quốc là 8,5%; Hàn Quốc 5,5%; Thái Lan và Malaysia 5,0%; Indônêsi 4,6%; Philippines 4,5%; Singapore 4,1%).

Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2006 và 2007 vẫn tiếp tục được duy trì ở mức trên 8% (năm 2006: 8,2% và năm 2007: 8,5%). Nhưng do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2008 chỉ còn 6,23%, năm 2009 là 5,32% và 6,78% vào năm 2010. Tuy nhiên tính bình quân 5 năm thời kỳ 2006-2010, thì tỷ lệ tăng trưởng GDP của Việt Nam vẫn đạt được 6,99%/năm.

Trong cơ cấu đóng góp vào tăng trưởng GDP, khu vực công nghiệp và xây dựng có vai trò ngày càng quan trọng. Giai đoạn đầu của thời kỳ đổi mới (1987-1990), tăng trưởng GDP bình quân đạt 4,85% và khu vực công nghiệp và xây dựng chỉ đóng góp được 18,1%; nhưng trong giai đoạn 1991-1995 đã là 40,7%; 1996-2000 là 51,1%; 2000-2005 là 52,4% và giai đoạn 2006-2010 tuy bị ảnh hưởng của khủng

**Hình 1: Tăng trưởng GDP và ba khu vực của nền kinh tế (%)**



Nguồn: Tác giả tính dựa trên số liệu thống kê của GSO (2011)

hoảng tài chính toàn cầu nhưng khu vực này vẫn đóng góp đến 47,5% trong tăng trưởng của GDP.

Để làm rõ hơn vai trò của khu vực chế tác trong tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Việt Nam thời gian qua, phần dưới đây chúng tôi sẽ phân tích thay đổi cơ cấu và đóng góp của ngành công nghiệp chế tác trong tăng trưởng của ngành và nền kinh tế.

## 2. Vai trò của ngành công nghiệp chế tác trong GDP

Trong cơ cấu ngành công nghiệp, ngành chế tác có vai trò chủ chốt đóng góp vào tăng trưởng giá trị sản xuất của ngành công nghiệp. Tốc độ tăng trưởng trong giá trị sản xuất của ngành công nghiệp chế tác trung bình giai đoạn 1996-2000 đạt 13,71%, gấp 1,97 lần tốc độ tăng trưởng GDP bình quân trong thời kỳ này (6,69%) và đóng góp tới 78,72% vào tăng trưởng giá trị sản xuất của toàn ngành công nghiệp. Giai đoạn 2001-2005, tốc độ tăng bình quân giá trị sản xuất của ngành chế tác đã đạt 17,45%,

gấp 2,32 lần tăng trưởng bình quân của GDP (7,51%) và đóng góp vào tăng trưởng của giá trị sản xuất ngành công nghiệp là 90,2%.

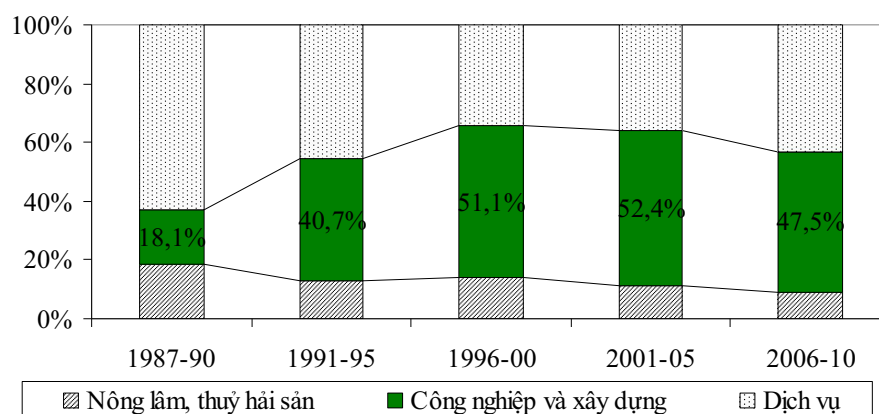
Do ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính toàn cầu (2008-2009), tốc độ tăng bình quân giá trị sản xuất của ngành chế tác giai đoạn 2006-2010 giảm so với thời kỳ trước nhưng vẫn đạt mức 15,45% và đóng góp tới 95,8% trong tăng trưởng giá trị sản xuất của ngành công nghiệp.

Tính chung cho cả thời kỳ 1996-2010, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất của ngành chế tác là 15,54%, gấp 2,17 lần tốc độ tăng trưởng GDP, và đóng góp vào tăng trưởng giá trị sản xuất của ngành công nghiệp bình quân là 88,19%.

## 3. Vai trò của ngành công nghiệp chế tác trong công nghiệp ở Việt Nam

Bảng 1 cho thấy giá trị sản xuất công nghiệp và dịch chuyển cơ cấu nội bộ công nghiệp. Tỷ trọng đóng góp của ngành chế tác trong các ngành công nghiệp vẫn là chủ yếu và có xu hướng tăng theo thời gian.

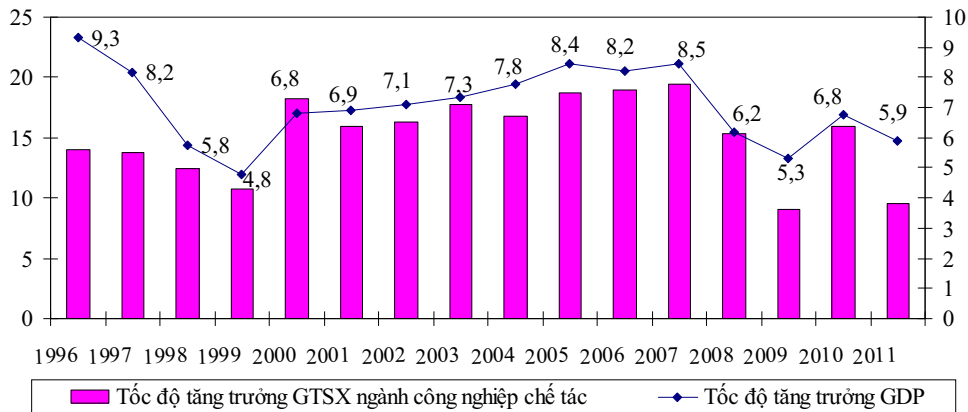
**Hình 2: Đóng góp của khu vực I, II và III vào tăng trưởng GDP của Việt Nam (%)**



Nguồn: Tác giả tính dựa trên số liệu thống kê của GSO (2011)

**Hình 3: Tốc độ tăng trưởng GDP và tăng trưởng giá trị sản xuất của ngành chế tác (1996 – 2011)**

Đơn vị: %



Nguồn: Tác giả tính dựa trên số liệu thống kê của GSO (2012)

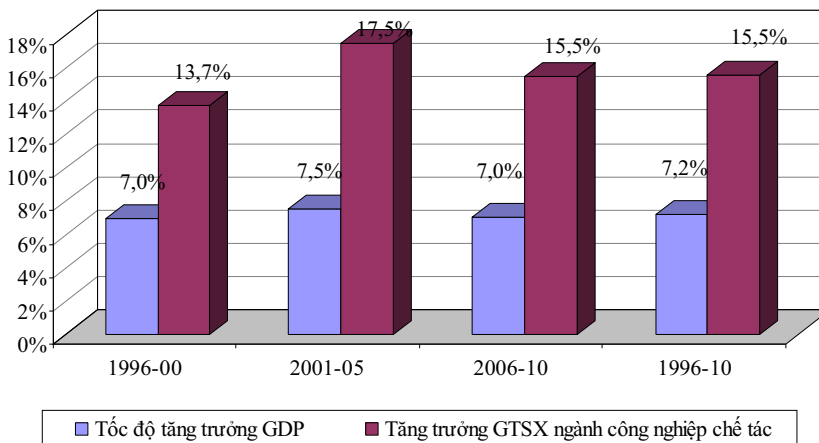
Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam, mặc dù đóng góp của các ngành công nghiệp chế tác vào cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp và tăng trưởng của nền kinh tế ngày càng lớn nhưng tốc tăng trưởng của ngành công nghiệp chế tác (tính theo giá trị đóng góp của ngành vào GDP) của Việt Nam vẫn thấp hơn so với Hàn Quốc và Đài Loan khi họ ở trong thời kỳ công nghiệp hóa.

Bảng 2 cho thấy, tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp chế tác và tăng trưởng GDP của Việt Nam hiện nay chỉ tương đương với thập niên 1950 của Đài Loan và Hàn Quốc, đó là thời kỳ đầu của quá trình công nghiệp hóa của Đài Loan và Hàn Quốc. Điều này cho thấy, đóng góp của ngành công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp chế tác, vẫn chưa

thực sự phát huy hết tiềm lực hiện có của một ngành chủ đạo dẫn dắt nền kinh tế trong hơn hai thập niên vừa qua. Như vậy, trong thời gian tới chúng ta cần phải đẩy mạnh hơn nữa quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành, đặc biệt ưu tiên cho ngành công nghiệp chế tác, trên cơ sở phát triển ngành này để thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ hơn nữa của các khu vực còn lại trong nền kinh tế.

Hơn nữa, tỷ lệ giá trị gia tăng/giá trị sản xuất (VA/GO) của nền kinh tế nói chung và của ngành chế tác nói riêng có xu hướng giảm, điều này cho thấy có xu hướng gia tăng chi phí trung gian trong sản xuất. Bởi vậy, mặc dù giá trị sản xuất (GO) tăng, nhưng giá trị đóng góp của các ngành vào tăng trưởng GDP chưa cao.

**Hình 4: Tốc độ tăng trưởng GDP và tăng trưởng giá trị sản xuất của ngành chế tác theo các giai đoạn (%)**



Nguồn: Tác giả tính dựa trên số liệu thống kê của GSO(2011)

**Bảng 1: Cơ cấu giá trị sản xuất ngành công nghiệp (theo giá thực tế)**

Đơn vị: %

	1996-2000	2001-05	2006-10	1996-2010
<b>Giá trị sản xuất công nghiệp</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
- Công nghiệp khai thác	13,9	11,0	6,0	10,3
- Công nghiệp chế tác	79,8	82,7	88,2	83,6
- Điện, khí đốt, nước	6,3	6,3	5,7	6,1

Nguồn: GSO (2011)

**Bảng 2: Tăng trưởng GDP và tăng trưởng của ngành công nghiệp chế tác**

Đơn vị: %

Nền kinh tế	Giai đoạn	Tốc độ tăng trưởng của công nghiệp chế tác (tính theo giá trị đóng góp của ngành vào GDP)	Tốc độ tăng GDP
<b>Việt Nam</b>	Thập kỷ 1990	10,8	7,6
	Thập kỷ 2000	10,7	7,3
<b>Hàn Quốc</b>	Thập kỷ 1950	12,3	5,1
	Thập kỷ 1960	17,2	8,6
	Thập kỷ 1970	15,4	9,5
<b>Đài Loan</b>	Thập kỷ 1950	10,7	7,6
	Thập kỷ 1960	14,7	9,6
	Thập kỷ 1970	12,5	8,8

Nguồn: Tính toán của tác giả dựa trên số liệu của GSO và Harry T. Oshima: "Tăng trưởng kinh tế ở Châu Á gió mùa" (2011).

Đặc biệt trong ngành chế tác, các ngành có sự suy giảm VA/GO lớn lại rơi vào các ngành sử dụng công nghệ nhiều vốn như các ngành: sản xuất khoáng sản, phi kim loại, kim loại và các sản phẩm từ kim loại, máy móc thiết bị, hóa chất, cao su và chất dẻo.

Bảng 3 cho thấy, cơ cấu của nhóm ngành sử dụng công nghệ nhiều lao động có xu hướng giảm theo thời gian (tỷ trọng của nhóm ngành sử dụng nhiều lao động giảm từ 63,8% vào năm 2000 xuống còn 57,8% vào năm 2007). Ngược lại, cơ cấu đóng góp của nhóm ngành sử dụng nhiều vốn trong giá trị sản xuất (GO) của ngành chế tác lại có xu hướng gia tăng (tỷ trọng của nhóm ngành sử dụng nhiều vốn đã tăng từ 36,2% năm 2000 lên 42,2% vào năm 2007), nhưng sự thay đổi này không thực sự mạnh. Điều này thể hiện rõ qua cơ cấu đóng góp của 2 nhóm ngành này trong giá trị gia tăng (VA) của ngành chế tác. Bảng 3 cho thấy cơ cấu đóng góp vào VA từ 2000 đến 2007 của 2 nhóm ngành này luôn xấp xỉ khoảng 60/40. Đồng thời, cùng với xu hướng gia tăng cơ cấu đóng góp của nhóm ngành sử dụng

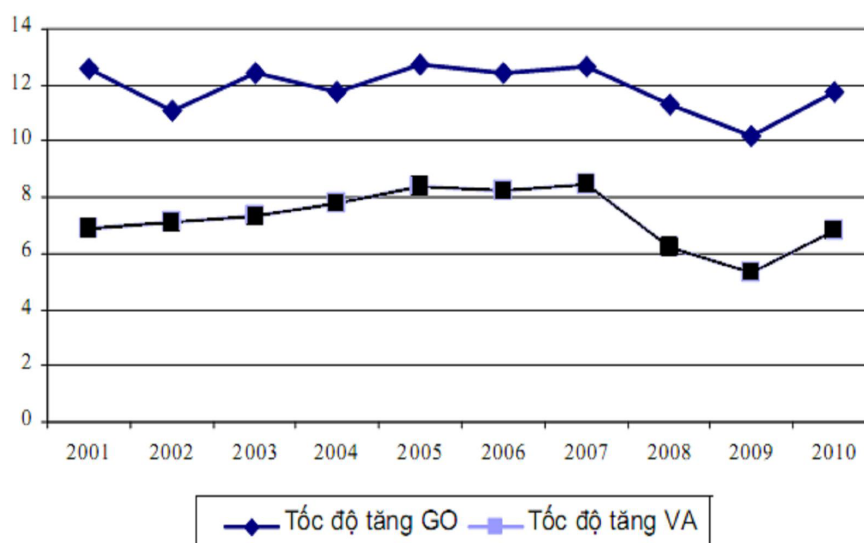
công nghệ nhiều vốn vào GO của ngành chế tác, thì cơ cấu tiêu dùng hàng hóa trung gian của ngành này cũng tăng gần như tương đương. Kết quả này càng rõ khi đặc biệt nền kinh tế của Việt Nam phải đối mặt với cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu từ cuối 2007 đến nay. Hình 5 cho thấy tốc độ tăng của GO và VA đều giảm mạnh và khoảng cách giữa GO và VA có xu hướng gia tăng trong thập niên 2000. Qua phân tích trên có thể rút ra một số nhận xét sau đây:

(i) Các ngành sử dụng công nghệ nhiều lao động vẫn là nhóm ngành đóng góp chủ đạo trong tăng trưởng của ngành chế tác. Mặt khác, theo những phân tích ở trên, đóng góp của ngành chế tác vào giá trị sản xuất của ngành công nghiệp và GDP là khá lớn. Bởi vậy, vai trò của nhóm ngành này đóng góp vào tăng trưởng của kinh tế của Việt Nam hiện nay là hết sức quan trọng. Kết quả này phần nào phản ánh được trình độ phát triển của nền sản xuất nước ta hiện nay;

(ii) Trong thời gian gần đây, các ngành sử dụng công nghệ nhiều vốn có xu hướng gia tăng đóng góp

Hình 5: Tốc độ tăng giá trị sản xuất (GO) và Giá trị gia tăng (VA)

Đơn vị: %



Nguồn: Tổng cục thống kê (2011)

trong giá trị sản xuất, nhưng đóng góp vào giá trị gia tăng của ngành hầu như không thay đổi nhiều. Điều này cho thấy, chi phí trung gian trong sản xuất của ngành này vẫn còn lớn, sự phát triển của nhóm ngành này còn nhiều bất cập, hạn chế, đồng thời còn có sự phát triển không cân đối giữa nhóm ngành này với sự phát triển của các ngành phụ trợ.

#### 4. Vai trò của ngành công nghiệp chế tác trong cơ cấu xuất khẩu

Quá trình chuyển dịch cơ cấu các ngành hàng xuất khẩu của Việt Nam từ 1995 đến 2008 được trình bày trong bảng 4. Ngành hàng nông – lâm – thủy sản có xu hướng giảm mạnh trong cơ cấu hàng

xuất khẩu của Việt Nam. Nếu trong giai đoạn 1995-2000 đây là nhóm hàng hóa xuất khẩu có tỷ trọng lớn nhất, thì từ 2001 đến nay lại là nhóm ngành có tỷ trọng nhỏ nhất.

Tỷ trọng nhóm hàng công nghiệp nặng, khoáng sản, nhóm hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp đã được cải thiện đáng kể. Tuy nhiên, bảng 4 cũng cho thấy xuất khẩu của Việt Nam hiện nay vẫn phụ thuộc chủ yếu vào các ngành công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp (năm 2010 chiếm 46,8%), nhóm ngành sử dụng công nghệ nhiều lao động. Nhưng nhìn chung, sự chuyển dịch cơ cấu trong các ngành hàng xuất khẩu là tích cực, phần nào phản ánh được thành công của quá trình công

Bảng 3: Cơ cấu giá trị sản xuất, giá trị gia tăng và tiêu dùng trung gian của ngành công nghiệp chế tác phân theo 2 nhóm ngành

Đơn vị: %

	2000	2001	2003	2005	2006	2007
<b>Giá trị sản xuất (GO)</b>						
- Nhóm ngành sử dụng nhiều lao động	63,8	60,8	58,5	59,0	58,9	57,8
- Nhóm ngành sử dụng nhiều vốn	36,2	39,2	41,5	41,0	41,1	42,2
<b>Giá trị gia tăng (VA)</b>						
- Nhóm ngành sử dụng nhiều lao động	60,9	60,8	59,3	60,6	59,3	60,0
- Nhóm ngành sử dụng nhiều vốn	39,1	39,2	40,7	39,4	40,7	40,0
<b>Tiêu dùng trung gian (IC)</b>						
- Nhóm ngành sử dụng nhiều lao động	64,5	60,9	58,4	58,8	58,8	57,6
- Nhóm ngành sử dụng nhiều vốn	35,5	39,1	41,6	41,2	41,2	42,4

Nguồn: Tính toán của tác giả dựa trên số liệu của GSO và Bộ Công thương (2011).



**Bảng 4: Cơ cấu xuất khẩu của các ngành giai đoạn 1995-2010**

Đơn vị: %

Ngành hàng	1995	1996-00	2001-05	2006	2007	2008	2009	2010
Hàng nông - lâm - thủy sản	46,3	34,8	25,5	22,6	22,6	23,8	23,2	24,3
Hàng công nghiệp nặng và khoáng sản	25,3	30,6	34,3	36,2	32,9	30,6	31,3	28,9
Hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp	28,4	34,6	40,2	41,2	44,5	45,6	45,5	46,8
<b>Tổng</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>

Nguồn: GSO (2011)

nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của Việt Nam thời gian qua.

Dựa trên danh mục SITC (*phân loại theo tiêu chuẩn ngoại thương quốc tế - Standard International Trade Classification*), các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam trong giai đoạn 1995– 2009 được phân chia thành: nhóm hàng thô và mới sơ chế; hàng chế tác và đã tinh chế. Kết quả ở bảng 5 cho thấy, mặc dù cơ cấu của ngành hàng thô và mới sơ chế có xu hướng giảm, hàng chế tác và đã tinh chế có xu hướng tăng, nhưng sự thay đổi này vẫn chưa thực sự tương ứng với tiềm lực và vai trò của ngành công nghiệp trong nền kinh tế của Việt Nam.

Trong cơ cấu ngành hàng xuất khẩu, tỷ trọng nhóm hàng thô và mới sơ chế có giảm, nhưng vẫn chiếm một tỷ trọng khá cao. Nếu tỷ trọng của ngành hàng này vẫn được duy trì một tỷ lệ lớn trong cơ cấu hàng xuất khẩu, thì sẽ là một thách thức đối với Việt Nam. Bởi vì, giá cả của các mặt hàng này thường xuyên biến động mạnh trên thị trường thế giới, điển hình như dầu thô. Hơn nữa, tỷ trọng của ngành hàng thô và mới sơ chế lớn cho thấy nhiều ngành công nghiệp chế tác của Việt Nam còn mang nặng tính hướng nội, phục vụ thị trường nội địa là chủ yếu, chưa thực sự tạo ra động lực lớn cho sự phát triển các ngành hàng công nghiệp chế tác định hướng xuất khẩu. Đồng thời, chúng ta còn thiếu chiến lược

và chưa quan tâm đúng mức với các ngành công nghiệp hướng về xuất khẩu thuộc các ngành công nghệ cao. Theo điều tra của Tổ chức Phát triển Công nghiệp của Liên hiệp quốc (UNIDO) năm 2003, nhóm ngành công nghệ cao của Việt Nam chỉ chiếm khoảng 20,6%, trong khi đó ở Singapore là 73%, Malaysia là 51,1% và Thái Lan là 30,3%.

Như vậy, qua phân tích ở trên chúng ta thấy trình độ phát triển của nền kinh tế Việt Nam vẫn còn ở giai đoạn đầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa so với Hàn Quốc và Đài Loan, mặc dù trong vòng hơn 2 thập niên qua đã có những thay đổi đáng kể trong cơ cấu đóng góp của các thành phần đóng góp vào tăng trưởng sản lượng của các ngành và GDP của nền kinh tế. Chính sách tự do hóa thương mại, thúc đẩy xuất khẩu của Việt Nam đã có những chuyển biến đáng kể trong thời gian qua, nhưng mức độ phụ thuộc vào nhập khẩu đang gia tăng trong ngành chế tác, ngành đóng vai trò chủ đạo trong tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu ở Việt Nam.

### 5. Kết luận

Qua phân tích, chúng tôi rút ra một số kết luận sau đối với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Việt Nam cũng như vai trò của ngành trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa như sau:

Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm và

**Bảng 5: Cơ cấu ngành hàng xuất khẩu phân loại theo SITC**

Đơn vị: %

Ngành hàng	1995	1996-00	2001-05	2006	2007	2008	2009
Hàng thô và mới sơ chế	67,2	55,2	49,3	48,3	44,6	44,4	39,6
Hàng chế tác và đã tinh chế	32,8	44,8	50,7	51,7	55,4	55,6	60,4
<b>Tổng</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>

Nguồn: GSO (2010)

lạc hậu, tăng trưởng kinh tế vẫn chủ yếu tập trung ở một số ngành và sản phẩm truyền thống như dệt may, thủy sản, nông sản chưa qua chế biến,... đây cũng chính là các ngành có *công nghệ không cao*.

Tuy tốc độ tăng trưởng đóng góp của ngành công nghiệp chế tác trong GDP, và tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam đã được cải thiện nhiều, nhưng hiện nay vẫn chỉ tương đương với quy mô đóng góp của ngành này ở thập niên 1950-60 của Đài Loan và Hàn Quốc. Bởi vậy, trong thời gian tới chúng ta cần phải đẩy mạnh hơn nữa quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành, đặc biệt ưu tiên cho ngành công nghiệp chế tác, trên cơ sở phát triển ngành này làm tiền đề cho sự phát triển của các khu vực còn lại trong nền kinh tế.

Một trong những đặc điểm của quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Việt Nam đó là có xu hướng gia tăng chi phí trung gian trong sản xuất của ngành chế tác. Điều này phản ánh quá trình sản xuất còn phụ thuộc nhiều vào các hàng hóa trung gian nhập khẩu, một số ngành mới chỉ dừng lại ở gia công và lắp ráp. Trong ngành công nghiệp chế tác, các ngành sử dụng công nghệ nhiều lao động vẫn là nhóm ngành đóng góp chủ đạo trong tăng trưởng của ngành chế tác. Điều này còn được thấy qua cơ cấu

xuất khẩu của Việt Nam hiện nay vẫn phụ thuộc chủ yếu vào các ngành công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp. Nhiều ngành công nghiệp chế tác còn mang nặng tính hướng nội, phục vụ thị trường nội địa là chủ yếu, chưa thực sự tạo ra động lực lớn cho sự phát triển các ngành hàng công nghiệp chế tác định hướng xuất khẩu, đặc biệt là sự thiếu hụt các ngành công nghiệp định hướng xuất khẩu công nghệ cao.

Để chính sách chuyển dịch cơ cấu kinh tế thành công trong thời gian tới, theo chúng tôi, Chính phủ cần tiếp tục thúc đẩy các ngành định hướng xuất khẩu, đặc biệt là ngành định hướng xuất khẩu công nghệ cao, kết hợp với xây dựng các ngành công nghiệp phụ trợ nhằm ổn định thị trường đầu vào cho các ngành công nghiệp chế tác. Điều này phần nào sẽ giảm được sự phụ thuộc vào đầu vào nhập khẩu, qua đó cũng sẽ thúc đẩy nhanh quá trình chuyển giao công nghệ vào Việt Nam, giúp hàng hóa của Việt Nam gia tăng sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Đồng thời, tiếp tục đẩy mạnh quá trình chuyển dịch cơ cấu trong các ngành sơ chế, giảm tỷ trọng của xuất khẩu sản phẩm thô, tăng tỷ trọng của ngành hàng sản xuất các sản phẩm chế tác. □

#### **Tài liệu tham khảo:**

1. Báo cáo thường niên chỉ số tín nhiệm Việt Nam (CRV index) 2010, Nhà xuất bản Thời Đại, 403 trang, xuất bản năm 2010.
2. Báo cáo thường niên chỉ số tín nhiệm Việt Nam (CRV index) 2011, Nhà xuất bản Thông tin và truyền thông, 237 trang, xuất bản năm 2011. Chenery, H.B, 1960. "Pattern of industrial growth". *American Economic Review*, September, 50: 624 -54.
3. Chenery, H.B, 1980. "Interactions between Industrialization and Exports". *American Economic Review* 70, no, 2: 281 -87.
4. Đặng Huyền Linh, 2009. "*Nghiên cứu tác động của một số nhân tố phía cung, phía cầu và năng suất đến tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu các ngành công nghiệp chế tác bằng mô hình I/O*". Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
5. Feridhanusetyawan, Tubagus, and Haryo Aswicahyono, 2003. *Indonesia's Strategy for Industrial Upgrading: In ASEAN - Japan Competitive Strategy*, ed, Ippei Yamazawa and Daisuke Hiratsuka, Chiba: *Institute of Developing Economies*.
6. Harry T. Oshima, 1989. "*Tăng trưởng kinh tế ở Châu Á gió mùa*", Vụ Châu Á và Thái Bình Dương, Hà Nội, Việt Nam.
7. Hirschman, Albert O, 1958. *The Strategy of Economic Development*, New Haven: Yale University Press.
8. Nguyễn Việt Hùng, Nguyễn Khắc Minh, 2009. "Thay đổi cấu trúc kinh tế ở Việt Nam – Cách tiếp cận phân tích I-O", *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, số 142, trang 29-35.
9. Nguyễn Việt Hùng, 2010. "Thách thức của nông nghiệp Hà Nội trong quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế" *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, số 152 (II), trang 86-89.
10. Nguyễn Việt Hùng, 2010. "Vai trò của ngành chế tác trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam" *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, số 155 (II), trang 96-100.
11. Phạm Quang Ngọc, B.Trinh và N. Đ. Thành. Structural change and economic performance of Vietnam 1986-2000: *Evidence from the three input-output tables*.